

Số: 4177/QĐ-BVĐKBN2

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng
gói thầu: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026
(Lần 1)
thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa
Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1)
thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh
số 2 năm 2026 (Lần 1)

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC NINH SỐ 2

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023, sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 10099/QĐ-BVĐKBN2 ngày 31/12/2025 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt dự toán thu - chi năm 2026-2027;

Căn cứ Quyết định số 723/QĐ-BVĐKBN2 ngày 23/01/2026 của Giám đốc bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1);

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-BVĐKBN2 ngày 29/01/2026 của Giám đốc bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1);

Căn cứ Quyết định số 1050/QĐ-BVĐKBN2 ngày 04/02/2026 của Giám đốc bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1) thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1);

Căn cứ Báo cáo đánh giá E-HSDT (Lần 1) ngày 17/4/2026 và Báo cáo đánh giá E-HSDT (Lần 2) ngày 24/4/2026 gói thầu: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1) thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1) của Tổ chuyên gia;

Căn cứ kết quả đối chiếu tài liệu;

Căn cứ Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1) thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1) ngày 07/5/2026 của Tổ thẩm định;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1) thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1), bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2600048446
- Tên gói thầu: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1).
- Tên dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1).
- Giá gói thầu: **26.080.159.180 VND.** (*Số tiền bằng chữ: Hai mươi sáu tỷ, không trăm tám mươi triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, một trăm tám mươi đồng.*)
- Tên chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu: (Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm)

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu: (Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm)

4. Thông tin về thuốc trúng thầu: (Chi tiết theo Phụ lục 3 đính kèm)

5. Thông tin các mã thuốc huỷ thầu, lý do huỷ thầu: (Chi tiết theo Phụ lục 4 đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao phòng Tài chính kế toán, khoa Dược và các Nhà thầu trúng thầu căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng phòng Tài chính kế toán, Phụ trách khoa Dược và các Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Bắc Ninh, SYT Bắc Ninh (đăng tải);
- Lưu: VT, TCG.

GIÁM ĐỐC

Hạ Bá Chân

PHỤ LỤC 1: THÔNG TIN NHÀ THẦU TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1)

thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1)

thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1)

(Kèm theo Quyết định số 4177/QĐ-BVĐKBN2 ngày 07/5/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2)

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (VND)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có) (VND)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
1	PP2600034887	Công ty TNHH Dược Vietamerican	0106170629	14.000.000	14.000.000	85		14.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
2	PP2600034890	Công ty TNHH Dược phẩm Tây Đức	0106637021	130.000.000	130.000.000	81		130.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
3	PP2600034884	Công ty Cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	4100259564	132.195.000	132.195.000	87		132.195.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
4	PP2600034881	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	0100108536	165.600.000	165.600.000	85		165.600.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (VND)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có) (VND)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
5	PP2600034882	Công ty TNHH Thương mại và Dược phẩm Sang	0310631333	390.632.900	390.632.900	93		390.632.900	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
6	PP2600034895	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	0301140748	271.800.000	271.800.000	86		271.800.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
7	PP2600034897			354.486.400	354.486.400	83		354.486.400	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
8	PP2600034893	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bách Khang	0104101387	3.240.000.000	3.240.000.000	85		3.240.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
9	PP2600034894			36.000.000	36.000.000	85		36.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
10	PP2600034877	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông	0101088272	216.576.000	216.576.000	86		216.576.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
11	PP2600034880			216.576.000	216.576.000	86		216.576.000	24 tháng kể từ ngày hợp	24 tháng kể từ ngày	

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (VND)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có) (VND)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
									đồng có hiệu lực	hợp đồng có hiệu lực	
12	PP2600034898	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	2500228415	3.950.000.000	3.950.000.000	85		3.950.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
13	PP2600034892	Công ty Cổ phần Pharmatopes Việt Nam	0105393703	4.400.000.000	4.400.000.000	86		4.400.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
14	PP2600034873	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	0103053042	79.600.000	79.600.000	93		79.600.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
15	PP2600034885			393.651.400	393.651.400	92		393.651.400	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
16	PP2600034899			3.840.000.000	3.840.000.000	92		3.840.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
17	PP2600034900			1.600.000.000	1.600.000.000	92		1.600.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

PHỤ LỤC 2: THÔNG TIN NHÀ THẦU KHÔNG TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1)

thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1)

thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1)

(Kèm theo Quyết định số 4177/QĐ-BVĐKBN2 ngày 07/5/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2)

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
1	Công ty Cổ phần Gonsa	0309829522	PP2600034895	Xếp hạng thứ ba về giá
2	Công ty TNHH Một thành viên Dược Sài Gòn	0300523385	PP2600034885	Xếp hạng thứ hai về giá
3	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông	0101088272	PP2600034874	Giá dự thầu vượt giá kế hoạch
4			PP2600034875	Giá dự thầu vượt giá kế hoạch
5			PP2600034876	Giá dự thầu vượt giá kế hoạch
6			PP2600034878	Giá dự thầu vượt giá kế hoạch
7			PP2600034879	Giá dự thầu vượt giá kế hoạch
8	Công ty Cổ phần Vilogi	0106785340	PP2600034872	Giá dự thầu vượt giá kế hoạch
9			PP2600034898	Xếp hạng thứ hai về giá
10	Công ty TNHH Bình Việt Đức	0303114528	PP2600034899	Thuốc dự thầu không đạt về kỹ thuật
11			PP2600034900	Xếp hạng thứ hai về giá
12	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	0103053042	PP2600034895	Xếp hạng thứ hai về giá

PHỤ LỤC 3: THÔNG TIN THUỐC TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1)

thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1)

thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1)

(Kèm theo Quyết định số 4177/QĐ-BVĐKBN2 ngày 07/5/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2)

ST T	Mã phần (lô)	Mã thuốc c	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Tên nhà thầu	Mã nhà thầu
1	PP26 0003 4873	G01.02	Dexmed Kabi	Dexmedetomidin (dưới dạng 236µg Dexmedetomidin hydroclorid)	200µg/2ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Hộp 10 Lọ	1	36 tháng	9001149 62924	CSSX & XX: Fresenius Kabi Austria GmbH CSDG thứ cấp: Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Lọ	200	398.000	79.600.000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	vn0103 053042
2	PP26 0003 4877	G01.06	Extraneal Peritoneal Dialysis Solution with 7.5% Icodextrin	Mỗi 100ml chứa: Icodextrin 7,5g; Natri clorid 538mg; Natri lactat 448mg; Calci clorid.2H2O 25,7mg; Magie clorid hexahydrat 5,08mg	(Icodextrin 7,5 g+ Natri clorid 538 mg + Natri lactat 448 mg + Calci clorid.2H2O 25,7mg + Magie clorid hexahydrat 5,08 mg)/100ml, dạng túi Ultrabag, 2 lít/túi	Tại chỗ (ngâm vào khoang màng bụng)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Thùng 6 túi Ultrabag x 2L	2	24 tháng	VN-18814-15	Vantive Manufacturing Pte. Ltd.	Singapore	túi	720	300.800	216.576.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông	vn0101 088272
3	PP26 0003 4880	G01.09	Extraneal Peritoneal Dialysis Solution with 7.5% Icodextrin	Mỗi 100ml chứa: Icodextrin 7,5g; Natri clorid 538mg; Natri lactat 448mg; Calci clorid.2H2O 25,7mg; Magie clorid hexahydrat 5,08mg	(Icodextrin 7,5 g+ Natri clorid 538 mg + Natri lactat 448 mg + Calci clorid.2H2O 25,7mg + Magie clorid hexahydrat 5,08 mg)/100ml,	Tại chỗ (ngâm vào khoang màng bụng)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Thùng 6 túi Ambu-flex x 2L	2	24 tháng	VN-18814-15	Vantive Manufacturing Pte. Ltd.	Singapore	túi	720	300.800	216.576.000	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông	vn0101 088272

ST T	Mã phân (lô)	Mã thuốc c	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Tên nhà thầu	Mã nhà thầu
					dạng túi Ambu-flex, 2 lít/túi														
4	PP26 0003 4881	G01.10	Avonza	Efavirenz, Tenofovir Disoproxil Fumarate, Lamivudine	400mg, 300mg, 300mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ x 30 viên	5	36 tháng	8901100 87123	Mylan Laboratories Limited	Ấn Độ	viên	41.400	4.000	165.600.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	vn0100 108536
5	PP26 0003 4882	G01.11	Neupogen	Filgrastim	30 MU/0,5ml	Tiêm dưới da hoặc truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 0,5ml	1	36 tháng	QLSP-1070-17	Amgen Manufacturing Limited LLC	Mỹ	Bơm tiêm	700	558.047	390.632.900	Công ty TNHH Thương mại và Dược phẩm Sang	vn0310 631333
6	PP26 0003 4884	G01.13	Calcilinat F50	Acid folic (dưới dạng Calcium folinat)	50mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ	4	36 tháng	VD-21242-14	Công ty Cổ phần Dược-Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Lọ	5.000	26.439	132.195.000	Công ty Cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	vn4100 259564
7	PP26 0003 4885	G01.14	Fulvestrant "Ebewe"	Mỗi bơm tiêm đóng sẵn 5ml chứa Fulvestrant 250mg	250mg/5ml	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn với 2 kim tiêm vô trùng	1	24 tháng	VN-22177-19	Fareva Unterach GmbH	Áo	Bơm tiêm	200	1.968.257	393.651.400	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	vn0103 053042
8	PP26 0003 4887	G01.16	Vorifend 500	Glucosamin sulfat (dưới dạng glucosamin sulfat kali clorid tương đương 392,6mg glucosamin base)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	2	24 tháng	8931004 21724	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	10.000	1.400	14.000.000	Công ty TNHH Dược Vietamerican	vn0106 170629
9	PP26 0003 4890	G01.19	Lahm	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd (tương đương 400mg nhôm oxyd) +	800mg + 611,76mg + 80mg, Gói 15g	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 15g	4	36 tháng	VD-20361-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Gói	40.000	3.250	130.000.000	Công ty TNHH Dược phẩm Tây Đức	vn0106 637021

ST T	Mã phân (lô)	Mã thuốc c	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Tên nhà thầu	Mã nhà thầu
				simethicon															
10	PP26 0003 4892	G01. 21	UNITECH Sodium Iodide (131I) Capsules	Sodium Iodide (131I) Solution	1-200mCi/viên	Uống	Viên nang cứng	Lọ 1-6 viên x (1-50 mCi/viên); Lọ 1-2 viên x (>50-100 mCi/viên); Lọ 1 viên x (>100-200 mCi/viên)	2	1 tháng	8801163 02125	Sam Young Unitech Co., Ltd	Hàn Quốc	mCi	40.000	110.000	4.400.000.000	Công ty Cổ phần Pharmatopes Việt Nam	vn0105 393703
11	PP26 0003 4893	G01. 22	Viên nang cứng Natri Iodua (Na131I)	Natri Iodua (Na131I)	0,05-100 mCi	Uống	Viên nang cứng	Bình chì chứa lọ thủy tinh chứa viên nang cứng	4	40 ngày	QLĐB2-H12-20	Trung tâm nghiên cứu và điều chế đồng vị phóng xạ (Viện Nghiên cứu hạt nhân)	Việt Nam	mCi	40.000	81.000	3.240.000.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bách Khang	vn0104 101387
12	PP26 0003 4894	G01. 23	Dung dịch Natri Iodua (Na131)	Natri Iodua (Na131)	10-100 mCi/ml	Uống	Dung dịch uống	Bình chì chứa 1 lọ thủy tinh 10ml	4	40 ngày	QLĐB1-H12-20	Trung tâm nghiên cứu và điều chế đồng vị phóng xạ (Viện Nghiên cứu hạt nhân)	Việt Nam	mCi	800	45.000	36.000.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bách Khang	vn0104 101387
13	PP26 0003 4895	G01. 24	Paclitero 30	Mỗi lọ 5ml chứa Paclitaxel	30mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ x 5ml	2	24 tháng	8901144 33225	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Lọ	2.000	135.900	271.800.000	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	vn0301 140748
14	PP26 0003 4897	G01. 26	Podoxred 500mg	Pemetrexed disodium (dạng vô định hình) 551,4mg tương đương với Pemetrexed 500mg	500mg	Tiêm	Bột đông khô để pha dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ	5	24 tháng	VN3-60-18	Dr. Reddy's Laboratories Limited	Ấn Độ	Lọ	800	443.108	354.486.400	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	vn0301 140748
15	PP26 0003	G01. 27	Vinfind Inj	Voriconazol	200mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Hộp 1 lọ thuốc	5	24 tháng	8931100 85925	Công ty Cổ phần Dược	Việt Nam	Lọ	5.000	790.000	3.950.000.000	Công ty Cổ phần	vn2500 228415

ST T	Mã phân (lô)	Mã thuốc c	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Tên nhà thầu	Mã nhà thầu
	4898					tĩnh mạch	đông khô	tiêm đông khô				phẩm Vĩnh Phúc						Được phẩm Vĩnh Phúc	
16	PP26 0003 4899	G01. 28	Advate	Octocog alfa (recombinant human coagulation factor VIII (rFVIII))	500 IU	Tiêm tĩnh mạch	Bột đông khô và dung môi pha dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô, 1 lọ nước cất pha tiêm x 2ml và 1 bộ dụng cụ hoàn nguyên và tiêm truyền	1	24 tháng	7604100 91223	CSSX và đóng gói sơ cấp: Baxalta Manufacturing Sàrl; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Baxalta Belgium Manufacturing S.A. ; Cơ sở sản xuất dung môi: Siegfried Hameln GmbH	CSSX và đóng gói sơ cấp: Thụy Sỹ; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Bi; Cơ sở sản xuất dung môi: Đức	Hộp	2.400	1.600.000	3.840.000.000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	vn0103 053042
17	PP26 0003 4900	G01. 29	Advate	Octocog alfa (recombinant human coagulation factor VIII (rFVIII))	1000 IU	Tiêm tĩnh mạch	Bột đông khô và dung môi pha dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô, 1 lọ nước cất pha tiêm x 2ml và 1 bộ dụng cụ hoàn nguyên	1	24 tháng	7604100 91323	CSSX và đóng gói sơ cấp: Baxalta Manufacturing Sàrl; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Baxalta Belgium Manufacturing S.A. ; Cơ sở sản xuất dung môi: Siegfried Hameln GmbH	CSSX và đóng gói sơ cấp: Thụy Sỹ; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Bi; Cơ sở sản xuất dung môi: Đức	Hộp	500	3.200.000	1.600.000.000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	vn0103 053042
Tổng cộng: 17 khoản																	19.431.117.700		

PHỤ LỤC 4: THÔNG TIN CÁC MÃ THUỐC HUỖ THẦU, LÝ DO HUỖ THẦU

Gói thầu: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1)

thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1)

thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc generic tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026 (Lần 1)

(Kèm theo Quyết định số 4177/QĐ-BVĐKBN2 ngày 07/5/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2)

STT	Mã phân (Lô)	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Lý do huỷ thầu
1	PP2600034872	G01.01	Amphotericin B	5	50 mg	tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Chai/Ống/Lọ/Túi	600	180.000	108.000.000	Giá dự thầu vượt giá kế hoạch
2	PP2600034874	G01.03	Dung dịch lọc màng bụng	2	(Calci Chloride 18,3 mg + Dextrose hydrous 1,5 g + Magie Chloride 5,08 mg + Natri Chloride 538 mg + Natri lactate 448 mg)/100 ml, túi 02 lít	Tại chỗ (ngâm vào khoang màng bụng)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	túi	28.800	78.178	2.251.526.400	Giá dự thầu vượt giá kế hoạch
3	PP2600034875	G01.04	Dung dịch lọc màng bụng	2	(Calci Chloride 18,3 mg + Dextrose hydrous 2,5 g + Magie Chloride 5,08 mg + Natri Chloride 538 mg + Natri lactate 448 mg)/100 ml, túi 02 lít	Tại chỗ (ngâm vào khoang màng bụng)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	túi	3.600	78.178	281.440.800	Giá dự thầu vượt giá kế hoạch
4	PP2600034876	G01.05	Dung dịch lọc màng bụng	2	(Calci Chloride 18,3 mg + Dextrose hydrous 4,25 g + Magie Chloride 5,08 mg + Natri Chloride 538 mg + Natri lactate 448 mg)/100 ml, túi 02 lít	Tại chỗ (ngâm vào khoang màng bụng)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	túi	60	78.178	4.690.680	Giá dự thầu vượt giá kế hoạch

STT	Mã phân (Lô)	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Lý do hủy thầu
5	PP2600034878	G01.07	Dung dịch lọc màng bụng	2	(Calci Chloride 18,3 mg + Dextrose hydrous 1,5 g + Magie Chloride 5,08 mg + Natri Chloride 538 mg + Natri lactate 448 mg)/100 ml, túi 05 lít	Tại chỗ (ngâm vào khoang màng bụng)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	túi	2.880	178.000	512.640.000	Giá dự thầu vượt giá kế hoạch
6	PP2600034879	G01.08	Dung dịch lọc màng bụng	2	(Calci Chloride 18,3 mg + Dextrose hydrous 2,5 g + Magie Chloride 5,08 mg + Natri Chloride 538 mg + Natri lactate 448 mg)/100 ml, túi 05 lít	Tại chỗ (ngâm vào khoang màng bụng)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	túi	720	178.000	128.160.000	Giá dự thầu vượt giá kế hoạch
7	PP2600034883	G01.12	Fluconazol	4	150mg	uống	viên nang	viên	3.000	1.544	4.632.000	Không có nhà thầu tham dự
8	PP2600034886	G01.15	Gelatin	1	Mỗi túi 500ml chứa: 15g Gelatin; 4,71g điện giải	Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Túi	4.500	110.000	495.000.000	Không có nhà thầu tham dự
9	PP2600034888	G01.17	Insulin người trộn, hỗn hợp	2	1.000IU/10ml; 10 ml (30/70)	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Ống/Lọ/Túi	12.000	54.000	648.000.000	Không có nhà thầu tham dự
10	PP2600034889	G01.18	Insulin người trộn, hỗn hợp	5	300IU/3ml; 3ml (30/70)	Tiêm	Thuốc tiêm	Bút tiêm	600	95.000	57.000.000	Không có nhà thầu tham dự
11	PP2600034891	G01.20	Metformin hydrochloride	1	500mg	uống	viên	viên	1.000.000	435	435.000.000	Không có nhà thầu tham dự

STT	Mã phân (Lô)	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Lý do huỷ thầu
12	PP2600034896	G01.25	Pemetrexed	5	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Chai/Ống/ Lọ/Túi	2.500	443.108	1.107.770.000	Không có nhà thầu tham dự
Tổng cộng: 12 khoản											6.033.859.880	